

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/4/2021

V/v: “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con”

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim LoA.

2. Bà Lê Thị ThAh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 575/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021, về việc: “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/QĐ-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **NgU đơn:** Chì Pha Thị Mỹ N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Chư Á, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ah Trần Trọng Th, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 2, xã Chư Á, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2020, tại bản khai và tại phiên tòa ngU đơn là chì Pha Thị Mỹ N bày:

Về hôn nhân: N với Ah Th sau thời giA tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân phường Y, TP. P, tỉnh Gia Lai, Giấy chứng nhận kết hôn số: 156, ngày 05/12/2012. Sau khi kết hôn cuộc sống của vợ chồng thời giA đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xU xảy ra mâu thuẫn. NgU nhân chính là không hợp nhau, bất đồng quA điểm sống, Ah Th có thái độ coi thường vợ nên vợ chồng đã sống ly thân đã lâu. Chì N thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể chịu đựng được nữa, vì mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng không

thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không ai còn quA tâm đến ai, nên chị N yêu cầu được ly hôn với Ah Th.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Nhã U, sinh ngày 30/9/2013; cháu Trần Gia A, sinh ngày 25/6/2018. Hiện nay cháu U đAg sống cùng Ah Th, cháu A đAg sống cùng chị N. Ly hôn, giao cho Ah Th nuôi cháu U, chị N nuôi cháu A vì cháu A đAg còn nhỏ.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là Ah Trần Trọng Th mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Ah Th vắng mặt nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ngU đơn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị N và Ah Th mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PhA Thị Mỹ N. Xử cho chị PhA Thị Mỹ N được ly hôn với Ah Trần Trọng Th; Giao cho chị PhA Thị Mỹ N nuôi cháu Trần Gia A, sinh ngày 25/6/2018, giao cho Ah Trần Trọng Th nuôi cháu Trần Nhã U, sinh ngày 30/9/2013 là phù hợp và có căn cứ; Việc cấp dưỡng và tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí ngU đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trAh tụng. Tòa án nhân dân thành phố P nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị PhA Thị Mỹ N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với Ah Trần Trọng Th có địa chỉ tại thôn 2, xã Chư Á, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là Ah Trần Trọng Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị PhA Thị Mỹ N và Ah Trần Trọng Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy bA nhân dân phường Y, TP. P, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 156, ngày 05/12/2012. Vì vậy, quA hệ hôn nhân của chị N và Ah Th là hôn nhân hợp pháp.

[3] Chị N cho rằng ngU nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quaA điếm, không tìm được tiếng nói chung, Ah Th luôn có những lời nói coi thường vợ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị N yêu cầu được ly hôn với Ah Th.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng Ah Th vẫn không có mặt để có ý kiến mong muốn đoàn tụ, điều này thể hiện việc Ah Th đã bỏ mặc không quaA tâm đến việc hàn gắn gia đình. Mặt khác Tòa án đã tiến hành xác minh ngU nhân dẫn đến mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương không biết vì đương sự không báo, chỉ biết là trước đây vợ chồng chị N và Ah Th sống chung với bố mẹ Ah Th, nhưng nay chị N đã bỏ đi không còn sống chung Na. Từ căn cứ trên thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị N và Ah Th là có thật, mâu thuẫn đã kéo dài và đã đến mức sâu sắc, vợ chồng không còn tôn trọng, chăm sóc nhau trong khoảng thời giA dài, họ không còn tình thương và niềm tin đối với nhau, thường xU xúc phạm đến dAh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và Ah Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: 02 con chung là cháu Trần Nhã U, sinh ngày 30/9/2013; cháu Trần Gia A, sinh ngày 25/6/2018. Hiện nay cháu U đAg sống cùng Ah Th, cháu A đAg sống cùng chị N. Ly hôn, giao cho Ah Th nuôi cháu U, chị N nuôi cháu A vì cháu A đAg còn nhỏ. Yêu cầu của chị N là có căn cứ và phù hợp vì trong quá trình nuôi con chị N và Ah Th nuôi con đều đảm bảo được quyền lợi của 02 cháu, mặt khác cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu U là muốn được sống với Ah Th khi cha mẹ ly hôn nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con chung.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N là ngU đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PhA Thị Mỹ N

- Về hôn nhân: Chị PhA Thị Mỹ N được ly hôn với Ah Trần Trọng Th.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Nhã U, sinh ngày 30/9/2013 cho Ah Trần Trọng Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu U đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao con chung là cháu Trần Gia A, sinh ngày 25/6/2018 cho chị PhA Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến

khi cháu A đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí: Chị PhA Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0005435 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị PhA Thị Mỹ N đã nộp đủ tiền án phí.

NgƯ đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tƯ án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy bA nhân dân nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. P;
 - Chi cục THADS tp P;
 - TAD tỉnh Gia Lai;
 - UBND phường Y, TP. P, Gia Lai
- GCNKH số: 156, ngày 05/12/2012;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

P, ngày 16 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà TrầnThị Hồng
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Kim LoA và bà Lê Thị ThAh Cường.

Căn cứ vào Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vào hồi giờ phút, ngày 16/4/2021, tại phòng nghị án, hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án “Ly hôn, trAh chấp về nuôi con” giữa ngU đơn là chị PhA Thị Mỹ N với bị đơn là Ah Trần Trọng Th.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trAh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng:

Ý kiến của hội thẩm 1:

- Áp dụng: Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ý kiến của hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung giải quyết:

Ý kiến của hội thẩm 2:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PhA Thị Mỹ N

- Về hôn nhân: Chị PhA Thị Mỹ N được ly hôn với Ah Trần Trọng Th.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Nhã U, sinh ngày 30/9/2013 cho Ah Trần Trọng Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu U đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Giao con chung là cháu Trần Gia A, sinh ngày 25/6/2018 cho chị PhA Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đã thành niên và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự. Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ý kiến của hội thẩm 1 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 2.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Ý kiến của hội thẩm 1:

- Về án phí: Chị PhA Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0005435 ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị PhA Thị Mỹ N đã nộp đủ tiền án phí.

NgU đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy bA nhân dân nơi cư trú.

Ý kiến của hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

